

NGA-ẤN-TRUNG: THẬP KỶ SÁNG KIẾN CỘNG TÁC BA BÊN

TSKH. S.Ujanaev

Viện Viễn Đông

Viện Hàn lâm khoa học LB Nga

Sự chuyển động của chiếc đồng hồ lịch sử, bao gồm cả lịch sử chính trị đối ngoại là không vội vàng. Hơn nữa, sự chuyển động này là không thể đảo ngược. Trên mặt đồng hồ lịch sử, năm 2008 là năm chẵn đầu tiên kỷ niệm một sự kiện dường như vừa mới diễn ra. Vừa một thập kỷ trước, tại thủ đô Đêli vào những ngày tháng 12, nhà lãnh đạo Chính phủ Nga khi đó là E. Primakov đã có một tuyên bố mà nội dung chủ yếu là các cường quốc lục địa Á-Âu “có thể” và “cần phải” cùng nhau hành động, khi điều đó “có lợi” và đáp ứng được quyền lợi chung.

Theo quan điểm được chấp nhận chung của các chuyên gia, thời điểm này chính là sự khởi đầu của một hiện tượng mới đậm nét của đời sống chính trị thế giới - cơ cấu cộng tác ba bên Nga - Ấn Độ - Trung Quốc (sau đây viết tắt là Nga-Ấn-Trung).

Những kích thích và tiền đề: quá khứ và hiện tại

Hôm nay, có thể nhớ lại rằng hiệu quả gây tiếng vang lớn như “làn sóng bùng nổ” của “sáng kiến Primakov” trên các phương tiện thông tin đại chúng thế giới đã vấp phải sự phản ứng lạnh nhạt và thận trọng của chính giới không chỉ ở Bắc Kinh, Đêli mà còn cả trong chính giới cao nhất của nước Nga thời đó.

Tuy nhiên, logic chính trị được nhà lãnh đạo Nga lưu ý mà động lực của nó là sự tương đồng hay sự kết phối những ưu tiên cơ bản của ba nước trong hoàn cảnh rộng rãi nhất của các khuynh hướng mới của chính sách toàn cầu, khu vực và đối nội đã bắt đầu chứng minh được sức sống của nó. Điều đó không phải là ngẫu nhiên, bởi lẽ logic này nhìn chung không phải là *khúc ngẫu hứng ngoại giao* mà ngược lại nó *có điểm tựa vững vàng* là những nghiên cứu khoa học, đối tượng được tiến hành trong vòng nhiều năm, bao gồm cả trong quá trình hàng loạt hội thảo và hội nghị khoa học quốc tế.

“Cuộc khủng hoảng Balkan” năm 1999, với tư cách là sự biểu hiện không thể che giấu của chính sách siêu cường, tia sáng gắt của nguy cơ chủ nghĩa khủng bố quốc tế, những yêu cầu cấp thiết ngày càng tăng của việc hợp tác kinh tế chặt chẽ trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, những thách thức toàn cầu về năng lượng, môi trường ngày càng gia tăng – tất cả mới chỉ là danh mục chưa liệt kê đầy đủ những vấn đề mà trước thềm thế kỷ mới là những động lực để tìm kiếm những con đường giải quyết thực tiễn cho những ý tưởng phối hợp ba bên Nga-Ấn-Trung.

Cần phải nói rằng hạt nhân của những động lực xích lại gần nhau hiện nay phần nhiều đã được phát triển trên mảnh đất màu

mở của những truyền thống lịch sử hữu nghị. Đó là truyền thống hữu nghị và láng giềng thân thiện, rục rờ vào thời Afanasij Nikitin và Con đường Tơ lụa cổ. Xin bổ sung thêm là không phải ngẫu nhiên mà các nhà lịch sử nhắc lại điều làm ví dụ khi tiến hành những bước đi ban đầu trong việc thiết lập quan hệ với Trung Quốc, nền ngoại giao Nga đã áp dụng “kinh nghiệm Ấn Độ”. Nhìn lại thời gian gần đây, một đánh giá rất có cơ sở là sự phối hợp ba bên đã từng tồn tại trên thực tế vào khoảng giữa thế kỷ vừa qua. Vào những năm đó, Liên Xô đã viện trợ nhiều mặt cho Trung Quốc xã hội chủ nghĩa và Ấn Độ độc lập cũng như có sự thống nhất chung giữa ba nước trên trường quốc tế bao gồm sự ủng hộ của Matxcova và Đêli đối với Bắc Kinh trong vấn đề giành được vị trí hợp pháp tại Liên hợp quốc.

Trong bối cảnh này, việc đã bắt đầu khởi động một cách thực tế cuộc đối thoại ba bên tại Matxcova năm 2001 là điều hợp quy luật. Như thống nhất cách nói, các bên bắt đầu cuộc đối thoại theo “con đường nhỏ thứ hai” – ở mức độ các chuyên gia – các nhà khoa học và ngoại giao đã nghỉ hưu, tập hợp nhau lại tại hội nghị khoa học - thực tiễn mà sau này trở thành diễn đàn hằng năm. Kết quả quan trọng của giai đoạn công tác chung này là đã hình thành nên những tiền đề khách quan cho sự cộng tác ba bên. Ngoài truyền thống lịch sử, trong số những tiền đề này còn có:

- Xác định rõ trách nhiệm của ba cường quốc vì số phận của sự phát triển hoà bình có tính đến việc ba nước này chiếm một không

gian địa lý thống nhất một nửa lục địa Á-Âu, tại đó có gần một nửa dân số trái đất sinh sống và tập trung khoảng 10% sản xuất thế giới;

- Sự tương đồng về những nhiệm vụ phát triển trong nước - cải cách các lĩnh vực kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khác nhằm đạt được trình độ văn minh hiện đại;

- Sự cần thiết của ba nước chống lại những nguy cơ của chủ nghĩa chia rẽ dân tộc và chủ nghĩa cực đoan tôn giáo;

- Các quyền lợi đan xen lẫn nhau để củng cố sự ổn định khu vực, trước hết tại Trung Á;

- Mối quan hệ song phương Nga-Trung và Nga-Ấn đạt mức cao, sự tiến bộ đáng kể trong quan hệ Trung-Ấn là những điều kiện làm cho quan hệ song phương trở thành nền tảng vững chắc cho sự cộng tác ba bên.

Năm 2002, hình thức đối thoại được thúc đẩy phát triển về chất khi diễn ra cuộc gặp gỡ không chính thức đầu tiên của ba Bộ trưởng Ngoại giao tại cuộc họp thường kỳ của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Sự tiến bộ mang tính mục đích theo đường nhỏ đối thoại đã xác định, đã biến thành hiện thực. Việc chuyển đổi các cuộc gặp gỡ của những người đứng đầu cơ quan chính trị đối ngoại thành hình thức các diễn đàn thường kỳ được tổ chức một cách riêng biệt, bước khởi đầu đã được tạo dựng tại Vladivostok vào tháng 6/2005. Hơn nữa, mùa hè 2006, tại cuộc họp thượng đỉnh “G-8” tại Sant-Peterburg, đã diễn ra cuộc gặp gỡ đầu tiên của các nhà lãnh đạo cấp cao ba nước.

Năm 2007 là năm “được mùa” của những sự kiện thuộc cơ cấu 3 bên gồm hai cuộc gặp gỡ của các Bộ trưởng Ngoại giao: một cuộc vào tháng 2 tại thủ đô Ấn Độ và cuộc khác vào tháng 10 tại thành phố Cáp Nhĩ Tân của Trung Quốc. Vào mùa thu, tại thủ đô nước Nga đã diễn ra Hội nghị Khoa học lần thứ 7 của các nhà khoa học - chính trị học. Cần nhấn mạnh thêm là cả tại Matxcova, Đêli và Bắc Kinh, người ta đánh giá cao ý nghĩa to lớn của thể chế các diễn đàn thường kỳ này, coi đó là công cụ hỗ trợ thử nghiệm, là “tổ ong khoa học” của sự cộng tác ba bên. Sau này tại thủ đô Ấn Độ, lần đầu tiên các nhà doanh nghiệp 3 nước đã họp nhau lại. Cuối cùng vào tháng 3/2008, sân khấu hội đàm ba bên còn được bổ sung thêm cơ cấu mới đầy triển vọng: Tại Đêli đã tổ chức cuộc hội thảo địa chiến lược lần thứ nhất “Nga-Ấn-Trung” theo công thức “Vòng 2 + 1”. Tại đó các cuộc thảo luận theo chủ đề được tiến hành đồng thời với sự tham gia của các nhà khoa học - chuyên gia và đại diện có trọng trách của các cơ quan chính sách đối ngoại của ba nước.

Vậy có những khuynh hướng cơ bản nào đã được thể hiện trong thời kỳ 10 năm sau khi ý tưởng cộng tác theo cơ cấu ba bên được đề xuất?

Cơ sở tài liệu

Trước hết là sự thu thập các tài liệu mang tính văn bản mà hiện nay làm cơ sở pháp lý cho sự cộng tác ba bên. Chính vai trò hiệu quả của công việc chung của các nhà khoa học đặc biệt quan trọng trong vấn đề này. Tại hội nghị khoa học - thực tiễn ba bên lần thứ nhất diễn ra tại Matxcova năm 2001,

về thực chất đã hình thành quan điểm mang tính thể chế về sự phối hợp trong cơ cấu Nga-Trung-Ấn. Thông cáo báo chí của Hội nghị nhấn mạnh: “*Sự cộng tác ba bên không có nghĩa là hình thành các liên minh hay các khối...*”, sự cộng tác “*hướng tới sự tập hợp nỗ lực của ba nước, nhưng không gây hại cho tất cả mọi nước thành viên khác thuộc cộng đồng quốc tế..., nhằm đóng vai trò tích cực, là động lực thúc đẩy sự cộng tác quốc tế trên thế giới nói chung*”¹.

Ý tưởng cộng tác được xây dựng dựa trên ba “không”: không đối đầu, không tham gia liên minh hình thức, không nhằm chống lại một nước thứ ba nào. Với ý nghĩa này, ý tưởng dựa trên nguyên tắc nổi tiếng “pancha Shila” – (tiếng Hindu - 5 nguyên tắc chung sống hoà bình - ND) chẳng bao lâu sau đã được phản ánh tại cấp độ chính thức. Trong thời gian Hội nghị Thượng đỉnh Ấn-Nga tại Đêli tháng 12/2004, lần đầu tiên Tổng thống Nga V. Putin đã tuyên bố về những nguyên tắc và mục tiêu cơ bản của sự cộng tác ba bên. Ông nhấn mạnh, đó là “*Sự đóng góp quan trọng nhất vào sự ổn định toàn cầu và sự tiến bộ có thể đem lại sự phối hợp ngoài khối trong cơ cấu Nga-Ấn-Trung. Còn sự cộng tác thương mại giữa ba nước có thể trở thành nhân tố quan trọng của sự phát triển kinh tế-xã hội của từng nước một*”².

Nói cách khác, những tiêu chí và lĩnh vực hợp tác cơ sở đã được định hình, đó là

¹ Những vấn đề Viễn Đông, 2001, số 6, tr. 16.

² Website “Tổng thống Nga”. Bài phát biểu tại Hội nghị khoa học Kỷ niệm J.Neru. Niu Đêli, Ấn Độ, 03/12/2004, http://www.kremlin.ru/appears/2004/12/03/2344_type63376type63377_80609.shtml

mô hình đối tác chiến lược ba bên mà mục tiêu cơ bản gồm hai điểm mấu chốt:

A. Nhân ba nỗ lực khai thác những ưu tiên chính sách đối ngoại tương đồng vì quyền lợi hoà bình và an ninh quốc tế và đáp trả những nguy cơ và thách thức hiện nay gồm cả nguy cơ của chủ nghĩa khủng bố; bằng cách đó tạo ra bầu không khí đối ngoại thuận lợi;

B. Phối hợp kinh tế mang tính thực tiễn nhằm thúc đẩy phát triển tổ hợp kinh tế của mỗi nước.

Những điều khoản này cũng như những hình thức tổ chức cộng tác đã được phản ánh trong một loạt văn kiện song phương và ba bên vào những năm sau này.

Trong Tuyên bố chung Nga- Ấn ngày 3/12/2004, tầm quan trọng mang tính tổ chức của thể chế gặp gỡ ba bên thường kỳ của những người đứng đầu Bộ Ngoại giao nhằm *“tìm kiếm các lĩnh vực cộng tác có thể trong cơ cấu ba bên và quốc tế”* lần đầu tiên đã được hình thành, đã nhấn mạnh lợi ích của việc làm sâu sắc hơn nữa sự phối hợp này, *“trong số nhiều vấn đề khác, sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của ba quốc gia”*³.

Về vấn đề nói rằng *“sự cộng tác ba bên không nhằm chống lại lợi ích của bất kỳ một nước nào khác, mà ngược lại nhằm “thúc đẩy sự đồng thuận quốc tế và sự hiểu biết lẫn nhau, tạo ra những quan điểm chung có*

tính đến các lợi ích khác” được nói rất rõ trong Tuyên bố chung Đêli của những người đứng đầu cơ quan ngoại giao của ba quốc gia”⁴

Phần nói về sự cần thiết mở rộng khuôn khổ đối thoại giữa các Bộ Ngoại giao và *“nhanh chóng xây dựng” “cơ chế cộng tác ba bên trong cơ cấu Nga-Ấn-Trung”* mang tính phức hợp cũng như các mục tiêu của cơ chế này bao gồm *“hiện thực hoá đầy đủ hơn nữa những khả năng phát triển kinh tế của ba nước”* và *“củng cố các nỗ lực quốc tế đáp lại những thách thức và nguy cơ mới”* đã trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong Tuyên bố Nga-Trung, được thông qua vào tháng 3/2006⁵. Nửa năm sau, trong Tuyên bố chung Trung-Ấn - kết quả cuộc viếng thăm Ấn Độ của Chủ tịch Trung Quốc tháng 11/2006, hai bên đã tuyên bố rằng, hai nước *“đánh giá tích cực cơ chế đối thoại ba bên...và nhất trí cần làm phong phú toàn diện các cuộc tiếp xúc và cộng tác trong khuôn khổ cơ chế này”*⁶. Những đánh giá tương tự đều có trong các tài liệu các cuộc hội nghị thượng đỉnh Nga- Ấn và Nga-Trung vào tháng 1 và tháng 3/2007. Các tài liệu này đều khẳng định tầm quan trọng của sự phối

⁴

http://www.kremlin.ru/interdocs/2006/03/21/1851_tvpe72067_103421.shtml?type=72067

⁵ Tuyên bố chung Ấn Độ-Trung Quốc 22/11/2006. Website Bộ Ngoại giao Trung Quốc, <http://www.fmprc.gov.cn/rus/zxxx/t281586.htm>

⁶ Thông cáo chung cuộc gặp ba bên các bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ, Nga, Trung Quốc, ngày 14/02/2007 (Niu Đêli Website Bộ Ngoại giao Liên bang Nga), http://www.mid.ru/brp_4.nsf/sps/776A927605FE053CC3257282006347C8

³

<http://www.kremlin.ru/events/articles/2004/12/80519/161816.shtml>

hợp ba bên về những vấn đề *cùng cố sự đồng thuận quốc tế, chống chủ nghĩa khủng bố cũng như về vấn đề kinh tế*⁷.

Các cơ sở, mục tiêu cơ bản và các khuynh hướng mang tính quan điểm của sự phối hợp ba bên được củng cố thêm tại Hội nghị thượng đỉnh ba bên tại Sankt-Peterburg. Trong quá trình hội nghị, Chủ tịch Trung Quốc, Tổng thống Nga và Thủ tướng Ấn Độ đã thống nhất đánh giá tích cực sự cộng tác ba bên *nhằm đảm bảo hoà bình và ổn định tại Châu Á - Thái Bình Dương và trên cả hành tinh nói chung, kích thích phát triển kinh tế của ba nước*. Cuộc hội đàm nhấn mạnh, các bên đã thành công trong việc phối hợp hành động chung trên trường quốc tế, chi rõ tầm quan trọng của việc làm này trong tương lai, nhấn mạnh cần thiết phát triển cơ chế nhằm thúc đẩy cộng tác thương mại trong một loạt lĩnh vực kinh tế, trước hết là năng lượng⁸.

Cuối cùng, bước chuyển về chất trong việc hình thành thể chế và phát triển cơ chế cơ cấu đối tác Nga-Ấn-Trung (NÂT) đã

được phản ánh trong Thông cáo chung cuộc gặp ba Bộ trưởng Ngoại giao vào tháng 10/2007 tại Cáp Nhĩ Tân. Như đã nhấn mạnh trong tài liệu, *các bên thông qua quyết định thành lập cơ chế tư vấn ba bên ở cấp các nhà lãnh đạo Cục/Bộ các bộ chính sách đối ngoại cũng như các cơ chế tương tự theo các kênh của một loạt bộ và cơ quan ngang bộ của ba nước*⁹.

Như vậy, có thể một trong những nét quan trọng của sự phát triển phối hợp ba bên chính là việc xây dựng về mặt văn bản những mục tiêu, nguyên tắc và hình thức cơ bản của sự cộng tác Nga-Ấn-Trung cùng đồng thời với việc tiếp tục hoàn thiện các cơ chế cộng tác và nâng quy chế đối thoại lên tầm hội nghị thượng đỉnh ba bên.

Các khuynh hướng hợp tác

Hai quan điểm cấu thành chính của sự hợp tác ba bên trong cơ cấu NÂT là hợp tác chính trị đối ngoại và kinh tế đã phản ánh “quan điểm độc lực” chính là những khuynh hướng đối tượng chủ yếu của sự phối hợp.

Trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, khuynh hướng này trước hết là bảo vệ những ưu tiên xây dựng thượng tầng thế giới công bằng và cân đối, dựa trên những nguyên tắc đa cực tuân thủ luật pháp quốc tế và giải quyết các vấn đề theo cách tiếp cận đa phương. Sự trùng hợp hay tương đồng về những quan điểm phù hợp giữa nước Nga, Ấn Độ và Trung Quốc được phản ánh rõ nét

⁷ Tuyên bố chung chuyển thăm chính thức Cộng hoà Ấn Độ của Tổng thống Liên bang Nga V.V. Putin, ngày 25/01/2007. Niu Đêli. http://www.kremlin.ru/interdocs/2007/01/25/1911_tv_pe72067_117277.shtml?type=72067; Tuyên bố chung Liên bang Nga và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, ngày 26/01/2007, http://www.kremlin.ru/interdocs/2007/03/26/2014_tv_pe72067_120807.shtml?type=72067

⁸ <http://www.russian.xinhuanet.com>, 18/07/2006; Bài phát biểu khai mạc tại cuộc gặp của Thủ tướng Ấn Độ M. Singh và Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào ngày 17/07/2006 tại Sankt-Peterburg, http://www.kremlin.ru/appears/2006/07/17/2243_type63377_109020.shtml

⁹ Website Bộ Ngoại giao Liên bang Nga, http://www.mid.ru.brpf_4.nsf/0/FE8D3E7E723B9959C325737F002AEE01

trong văn bản của những Thông cáo chung của ba Bộ trưởng Ngoại giao. Trong tài liệu ký kết năm 2005 tại Vladivostok nhấn mạnh rằng, ba nước *“chia sẻ cách tiếp cận chung những vấn đề chủ yếu trong sự phát triển thế giới trong thế kỷ XXI và ủng hộ việc dân chủ hoá các mối quan hệ quốc tế, nhằm xây dựng một trật tự thế giới công bằng trên cơ sở tuân thủ những chuẩn mực luật pháp quốc tế, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, cộng tác và tiến tới đa cực”*¹⁰. Hệ thống xây dựng thế giới này không để một trung tâm nào đó được trội hơn, không chấp nhận tiến hành chính sách đơn cực. Cơ sở của hệ thống này là *làm hài hoà đến mức có thể quyền lợi của càng nhiều các bên tham gia cộng đồng thế giới càng tốt*. Theo Thông cáo chung Đêli của ba Bộ trưởng Ngoại giao, những điểm không thể tách rời của hệ thống này là *“theo đuổi nền ngoại giao đa phương”... “tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia”*.

Nga, Trung Quốc và Ấn Độ cho rằng, công cụ chủ yếu để thực hiện đường lối này là hệ thống của Liên hợp quốc, như các bên nhấn mạnh trong Thông cáo chung Cáp Nhĩ Tân là *“tổ chức quốc tế có uy tín nhất và đại diện nhất”*. Ba bên công nhận sự cần thiết phải cải tổ Liên hợp quốc và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (LHQ), tổ chức có thể thay đổi một cách thực tế nhiều vấn đề trên thế giới vào một thập kỷ rưỡi - hai thập kỷ gần đây cũng như sự xuất hiện của những nguy cơ và thách thức mới không thay đổi được vai trò trung tâm của tổ chức này trong việc

tiến hành các công việc quốc tế. Sự hợp tác toàn diện tại LHQ, gồm tất cả những vấn đề như trên đề cập, là một trong những lĩnh vực quan trọng hơn cả trong sự phối hợp quốc tế của nước Nga, Trung Quốc và Ấn Độ. Trong gói các biện pháp cải cách LHQ, Nga và Trung Quốc ủng hộ Ấn Độ trở thành một trong những nước thành viên xứng đáng của Hội đồng Bảo an mở rộng.

Đặc điểm của ba nước là có cùng quan điểm và sự đánh giá mang tính nguyên tắc tính chất của những nguy cơ hiện nay, trước hết là *nguy cơ chủ nghĩa khủng bố quốc tế*, cũng như trong vấn đề về các giải pháp hiệu quả chống lại nguy cơ này. Nước Nga, Trung Quốc và Ấn Độ phản đối chuẩn mực hai mặt trong nhận thức về chủ nghĩa khủng bố và những nỗ lực biện minh cho chủ nghĩa này gọi đó là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thể hiện sự theo đuổi sự nghiệp cùng cố các cơ sở pháp lý - quốc tế của cuộc đấu tranh chống nguy cơ khủng bố.

Đối với những vấn đề chính sách khu vực, cả nước Nga, Trung Quốc và Ấn Độ đều dựa trên *nguyên tắc không đối đầu và giải quyết bằng biện pháp hoà bình những vấn đề này sinh*, đảm bảo ổn định và phát triển. Đặc biệt, các bên quan tâm tới tình hình tại Trung Á và Apganistan - khu vực tiếp giáp trực tiếp với biên giới của ba nước và liên quan trực tiếp đến an ninh và những quyền lợi dân tộc khác. Trung Á, nơi các nhà nước độc lập trẻ tuổi đang gặp khó khăn trong việc thiết lập nền độc lập, là khu vực hoạt động tiềm năng, đôi khi là thực tế của các lực lượng cực đoan và chủ nghĩa cấp tiến

¹⁰ Trích theo: “Báo Nga”, ngày 03/06/2005.

mang tính tôn giáo. Tại vùng này có thể cảm nhận được hành động của một số lực lượng khác ngoài khu vực. Nước Nga, Trung Quốc và Ấn Độ đều quan tâm tới khu vực này và đã tiến hành chính sách chống lại những thách thức của chủ nghĩa cực đoan khu vực, chủ nghĩa cấp tiến, chủ nghĩa ly khai và sự can thiệp từ bên ngoài gây mất ổn định, dựa trên cơ sở những nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, phát triển mối quan hệ nhiều lĩnh vực với các nước khu vực Trung Á.

Trong phần phối hợp kinh tế ba bên, cần phải nói rằng tiềm năng, khuynh hướng và triển vọng của nó trong những năm gần đây đã là đối tượng được quan tâm nhiều nhất tại các cuộc hội thảo ba bên hằng năm của các chuyên gia khoa học. Từ phân tích kết quả các cuộc gặp của các nhà lãnh đạo cấp cao của ba nước vào tháng 7/2006 tại Sankt-Peterburg, cũng như qua các tài liệu của các cuộc gặp của những người đứng đầu ba Bộ Ngoại giao, những điều được quan tâm là *năng lượng, giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng giao thông, khoa học và kỹ thuật, vũ trụ, công nghệ cao, gồm cả tin học và công nghệ sinh học và một loạt lĩnh vực khác.*

Điều quan trọng mang tính nguyên tắc ở đây là công tác thực tiễn cụ thể đã được khởi động. Theo nghị quyết Cấp Nhĩ Tân của ba Bộ trưởng Ngoại giao, các bên đã tiến hành thành lập cơ chế tư vấn ba bên ở cấp lãnh đạo cục/bộ của ba nước, hoạt động trong các lĩnh vực *nông nghiệp, y tế và bảo vệ sức khoẻ, đấu tranh khắc phục những tình trạng khẩn cấp.* Đã tiến hành những bước đi nhằm xác định các chức năng chủ trì: phía Trung

Quốc chủ trì tổ chức các công cụ đối thoại trong lĩnh vực nông nghiệp, còn trong y tế vai trò này thuộc Ấn Độ. Đại diện Liên bang Nga phụ trách lĩnh vực tình trạng khẩn cấp bằng cách tạo không gian đàm phán và những biện pháp tiếp theo.

Ngoài ra, trong khuôn khổ đối thoại ba bên sẽ thảo luận khả năng phối hợp hành động nhằm xây dựng *các cơ chế thương mại quốc tế tối ưu, cộng tác về vấn đề thay đổi khí hậu.*

Tại cuộc hội thảo địa chiến lược tại Delhi tháng 3/2008, các bên tập trung chú ý đến các khả năng hợp tác lên quan tới nhu cầu dự trữ vàng, ngoại tệ ngày càng tăng của ba nước và có thể bằng nỗ lực chung sẽ được sử dụng không chỉ nhằm triển khai các dự án cơ sở hạ tầng lớn mà còn nhằm bảo vệ quyền lợi chung trong nền kinh tế thế giới và trên các thị trường tài chính-tiền tệ quốc tế. Thiết lập hợp tác ba bên trong lĩnh vực *ngân hàng* được coi là cấp thiết trong bối cảnh cụ thể.

Nói về những dự án lớn, các chuyên gia và các nhân vật chính giới nhấn mạnh triển vọng hợp tác trong lĩnh vực *phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải khu vực.* Vấn đề đề cập đến việc tìm kiếm những điểm để tập trung nỗ lực (kỹ thuật, tài chính v.v...) để phát triển các dự án này. Thí dụ như thúc đẩy hành lang giao thông "Bắc - Nam", khôi phục các tuyến khác nhau của con đường Tơ lụa (gồm tuyến phía Nam thông ra Ấn Độ Dương), hiện đại hoá tuyến đường sắt xuyên Siberi, xây dựng hệ thống đường ống Iran-Pakistan-Ấn Độ, hiện chưa được thực hiện

do các nguyên nhân chính trị. Có thể kể thêm là tuyến đường ô tô từ Ấn Độ sang các nước Đông Nam Á và một loạt các dự án khác mà bản chất là khả năng kích thích mạnh mẽ toàn bộ phức hợp liên kết kinh tế khu vực.

Sự hợp tác trong lĩnh vực năng lượng cũng có triển vọng không kém. Vai trò nổi bật trong lĩnh vực này là sự bổ sung lẫn nhau của các phức hợp năng lượng của ba nước, là chính sách đa dạng hoá năng lượng được tiến hành, trong đó nước Nga khai thác tuyến phía Đông xuất khẩu gas và dầu lửa còn Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước đang chịu sự thiếu hụt ngày càng lớn nguồn nguyên liệu của mình lại quan tâm đến nguồn nhập khẩu tối ưu nhất nhờ vào hướng từ Nga. Còn có cả một không gian rộng lớn cho sự phối hợp ba bên trong lĩnh vực lưu chuyển năng lượng điện, phát triển năng lượng nguyên tử, cùng nhau thăm dò và khai thác các mỏ than mới ở cả ba nước.

Nhân tố Mỹ

Sự phối hợp NÂT với tư cách là hiện tượng đang hình thành của nền chính trị thế giới không thể không tính đến ảnh hưởng qua lại với nhân tố Mỹ, hiện vẫn là quốc gia mạnh và có ảnh hưởng hơn cả trên thế giới.

Xây dựng sự cộng tác của mình trên cơ sở nguyên tắc không nhằm chống lại các nước thứ ba, mỗi một nước đều xem xét mối quan hệ song phương với Mỹ gồm cả những ưu tiên chính trong chính sách đối ngoại nhiều thế kỷ của mình và cố phát triển các mối quan hệ này trên cơ sở đối tác lâu dài

đôi bên cùng có lợi và bình đẳng, trong đó cả trong lĩnh vực quan trọng chống lại những nguy cơ và thách thức toàn cầu mới. Cả Matxcova, Bắc Kinh và Đêli đều xuất phát từ quan điểm cho rằng, *nếu phá vỡ sự cộng tác trong quan hệ với Oasinhton theo mối quan tâm của mỗi nước nhằm phát triển quan hệ xây dựng với Mỹ trong các lĩnh vực khác nhau sẽ không mang lại kết quả tốt đẹp.*

Đồng thời, trong trường hợp, khi một lực lượng này hay khác, kể cả tại nước Mỹ, muốn thể hiện hành động đơn phương về những vấn đề quan trọng trong chính sách thế giới bỏ qua ý kiến đồng thuận của cộng đồng thế giới thì Nga, Trung Quốc và Ấn Độ sẽ coi *cơ cấu cộng tác ba bên là kênh chính cảnh báo mang tính phối hợp và không đối đầu để đối tác quay lại tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và những chuẩn mực luật pháp quốc tế khác* đã được tất cả chấp thuận. Có thể coi cách tiếp cận cân bằng này trong quan hệ qua lại với Mỹ đã được khẳng định trong hệ thống NÂT. Ba nước coi hệ thống này là hình thức độc lập không phụ thuộc vào mức độ kịch tính chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài kể cả những yếu tố đại diện bởi nước Mỹ.

Nhưng vì ảnh hưởng này tồn tại một cách khách quan nên điều quan trọng là phải hiểu được cái ngưỡng của nó. Cho đến hiện nay, các chuyên gia và giới quyền uy chính trị Mỹ không thể hiện là họ không chấp nhận NÂT dựa vào luận cứ, dù không có cơ sở nào, cho rằng “đối với mỗi nước quan hệ với Mỹ ít nhất cũng quan trọng không kém quan hệ với nhau”.

Nhưng trên cấp độ chính sách thực tiễn không mang tính quảng bá thì nhân tố phối hợp đang được hình thành trong cơ cấu NATO, tiềm năng của nó đều được Oasinhton tính đến trong mọi trường hợp.

Minh họa rõ nhất cho điều này là nhận xét của H. Kissinger. Đặt từ "liên minh", ám chỉ cơ cấu NATO trong ngoặc kép, cựu Ngoại trưởng Mỹ vạch ra nội dung chính: *"Mặc dù không gặp một khó khăn nào và không phải chịu đựng bất kỳ một vấn đề nào, nền ngoại giao Mỹ vẫn phải vượt qua bất kỳ thử thách nào của việc hình thành liên minh như thế. Liên minh như thế sẽ chặn cửa chúng ta trước Cận Đông. Còn Nhật Bản, Indônêxia, Pakistan sẽ xem xét lại chính sách của mình"*¹¹

Không có bất kỳ nguyên nhân có trọng lượng nào để nói rằng những đánh giá như thế không phải là động lực nội tại của chính sách thực tế của Oasinhton. Hơn thế nữa, ảnh hưởng của chúng còn được phản ánh trong hàng loạt bước đi cụ thể, trong đó có việc tăng cường quan hệ Mỹ-Ấn Độ mà nước chủ động là Mỹ.

Rõ ràng điều đó được khẳng định bởi một loạt yếu tố gồm cả những quan điểm thuộc các báo cáo phân tích của Lầu Năm góc cho rằng, một trong động cơ xây dựng của chính sách này là cấu phần chống Trung Quốc, nỗ lực biến Ấn Độ thành "đồng minh thực tế" để hoàn thành việc "bao vây" Trung Quốc. Theo tạp chí Anh "Economist", đăng

những dữ liệu của một trong những báo cáo này với tư cách là những lời biện minh, các chiến lược gia Mỹ đã gọi là "nguy cơ Trung Quốc đối với các đơn vị quân sự của Mỹ tại Châu Á-Thái Bình Dương"¹². Dễ hiểu rằng lợi dụng sự phức tạp trong quan hệ Trung-Ấn, đường lối trên có thể ảnh hưởng tiêu cực đến NATO, "làm suy yếu" cơ cấu ba bên.

Trong bối cảnh này hiện nay khó có thể loại trừ khả năng trong một khuôn khổ nhất định "nhân tố Trung Quốc" được nhắc tới ở trên sẽ là động lực đẩy Ấn Độ gần lại với Mỹ. Ngoài ra, một số chính trị gia Ấn Độ còn có quan điểm mở rộng hơn cho rằng: *"Chỉ có những thay đổi về cơ bản trong quan hệ với siêu cường thế giới duy nhất mới có thể giúp Ấn Độ đạt được những mục tiêu chiến lược của mình là củng cố địa vị toàn cầu và tăng cường ảnh hưởng trong quan hệ với các cường quốc khác"*¹³. Dĩ nhiên, những quan điểm này không phải là những quan điểm bao trùm. Nhưng rõ ràng chúng cũng có tác động đến việc Ấn Độ soạn thảo đường lối chính sách của mình.

Bởi lẽ động lực quan trọng để Delhi củng cố mối quan hệ với Mỹ là việc Ấn Độ quan tâm đến việc tiếp cận nguồn và công nghệ kỹ thuật, trước hết là trong lĩnh vực nguyên tử, đối với Ấn Độ không chỉ có ý nghĩa kinh tế

¹¹ Trích theo: *Liên minh Nga và hai đại cường* // "Albaath", ngày 21/01/2008, <http://www.inosmi.ru/translation/239041.html>

¹² America and China: The dragon comes calling. "The Economist", 01/09/2005,

http://www.economist.com/research/articlesBySubject/displaystory.cfm?subjectid=548623&story_id=E1_QPOPPN

¹³ C. Raja Mohan. *India and the Balance of Power From Foreign Affairs*, July/August 2006/ <http://www.foreignaffairs.org/20060701faessav85402/c-raj-mohan/india-and-the-balance-of-power.html>

mà đặc biệt quan trọng là ý nghĩa chính trị. Ngoại thương song phương những năm gần đây có thêm nhiều động lực mới. Tổng kim ngạch ngoại thương trong năm tài chính 2006-2007 đã vượt quá 30,5 tỷ USD¹⁴. Oasinhton và Niu Đêli đã thoả thuận về những bước đi tiếp theo nhằm phát triển “đối tác chiến lược” rộng rãi trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế (bao gồm cả lĩnh vực công nghệ cao). Đang hình thành cơ sở phối hợp trong lĩnh vực cung cấp kỹ thuật quân sự, đấu tranh chống chủ nghĩa khủng bố, tiến hành các cuộc tập trận quân sự-hải quân chung, bao gồm cả những cuộc tập trận trong khuôn khổ sáp nhập Ấn Độ vào cái gọi là “bộ ba Sydney” (Ôxtrâyliya, Mỹ, Nhật Bản).

Đồng thời điều quan trọng vẫn là chính phủ liên minh tiến bộ thống nhất do M. Singh lãnh đạo vẫn khách quan theo đuổi quan điểm thực dụng buộc phải thực hiện những “giới hạn có thể”, nhượng bộ Mỹ về nhiều vấn đề chính sách đối ngoại mang tính nguyên tắc trong đó có những vấn đề liên quan đến Trung Quốc.

Nói cách khác, sự ảnh hưởng của nhân tố Mỹ đối với sự hợp tác NATO qua các bước tiến hành một cách khách quan đã làm cho quan hệ song phương của cơ cấu cộng tác này bất ổn định, trong đó có quan hệ Bắc Kinh-Đêli hiện nay nhìn chung đang chậm lại và bị điều chỉnh. Song trong trường hợp trong các cơ cấu này tích lũy một cách giả thiết những tiềm năng đối đầu khó giải quyết hay những vướng mắc nghiêm trọng trong

việc giải quyết những vấn đề cũ (tranh cãi biên giới Ấn Độ-Trung Quốc về vấn đề Tây Tạng, quan hệ thương mại Nga-Ấn Độ) có thể sẽ làm ảnh hưởng tiêu cực này mạnh hơn.

Các mối quan hệ song phương

Trong bối cảnh này, dòng vai trò ngày càng tăng đối với triển vọng cộng tác NATO là sự cần thiết phát triển không ngừng có hiệu quả và ngày càng đi lên của các mối quan hệ song phương trong cơ cấu cộng tác ba bên NATO, hiện đang là cơ cấu nền tảng của sự phối hợp ba bên.

Nhìn chung các quá trình theo hướng này hiện nay rất tích cực. Cần chú ý đặc biệt là quan hệ song phương Trung-Ấn. Cách đây không lâu mối quan hệ này được coi là khâu yếu nhất trong toàn hệ thống nói chung, nhưng những năm gần đây mối quan hệ này được củng cố hơn và ngày càng phát triển. Kết quả chính của chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc tháng 4/2005 là tuyên bố thiết lập quan hệ chiến lược giữa hai nước là minh chứng cho bước chuyển của các mối quan hệ này lên mức cao hơn về chất ngang bằng với mức quan hệ Nga-Trung và Nga-Ấn. Với ý nghĩa này, hệ thống NATO mang tính cân bằng hơn so với trước đây, giúp nâng cao hiệu suất của cuộc đối thoại ba bên.

Trong những thành quả cảm nhận được trong việc bình thường hoá quan hệ Trung Quốc – Ấn Độ được ghi nhận trong các tài liệu song phương gồm cả những văn kiện được ký kết trong thời gian Hội nghị thượng

¹⁴ Website Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, <http://dgft.delhi.nic.in/>

đình song phương tại Bắc Kinh tháng 1/2008¹⁵ còn có nỗ lực xây dựng mối quan hệ láng giềng hữu nghị ổn định và dài hạn và thúc đẩy nền hoà bình toàn cầu và khu vực theo hướng những vấn đề biên giới (ký thoả thuận về những nguyên tắc chính trị và những nguyên tắc chỉ đạo giải quyết tranh cãi và khởi động cơ cấu đối thoại phù hợp), sự tiến bộ cơ bản về kinh tế và thương mại. Đang tiến hành công việc mang tính hệ thống nhằm xây dựng cơ chế đa cấp, đa ngành của các mối quan hệ bao gồm cả lĩnh vực quân sự.

Đồng thời với tính tích cực, quan hệ song phương Trung – Ấn vẫn bị phức tạp hơn bởi một loạt vấn đề trong quá khứ cũng như một số thách thức mới.

Theo quan điểm của Bắc Kinh, *trước hết* đó là tranh chấp lãnh thổ, *hai là*, “thiếu vắng sự tin tưởng lẫn nhau về chiến lược”- vấn đề khác biệt trong cách tiếp cận một loạt vấn đề an ninh khu vực trước hết tại Đông Á, còn nói đơn giản hơn, đó là sự nghi ngờ của Đêli về mối quan hệ Trung Quốc-Pakistan và sự lo lắng của Bắc Kinh về việc trong quan hệ Ấn Độ-Hoa Kỳ có những nhân tố chống Trung Quốc. Cùng với đó còn có “vấn đề Tây Tạng”- vấn đề về “phong trào ly khai có sự tham gia của các di dân” sang Ấn Độ. Sự phức tạp quanh vấn đề này còn là việc chính quyền Trung Quốc từ chối các nhà ngoại giao Ấn Độ đến Lkhas trong thành phần các

đại diện nước ngoài¹⁶ trong thời gian nổi loạn tại Tây Tạng vào tháng 3/2008. *Ba là*, mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong quan hệ kinh tế, nhưng tại Bắc Kinh, người ta vẫn cho rằng Ấn Độ trì hoãn công nhận Trung Quốc là nước có nền kinh tế thị trường, quá lợi dụng các vụ điều tra chống bán phá giá mà từ năm 1995 đã có khoảng gần 100 trường hợp và cuối cùng cho Trung Quốc là đối thủ “cạnh tranh nguồn năng lượng”.

Tại Ấn Độ, nhìn chung, cũng có những quan điểm tương tự về những vấn đề chính trong quan hệ song phương, và dĩ nhiên là Ấn Độ cũng có cách giải thích của riêng mình. Ấn Độ kiên quyết bảo lưu quan điểm của mình về vấn đề biên giới, cho rằng hiện tại chính sách kinh tế của Bắc Kinh là “mở rộng không thể biện minh được” trong đó có “ngoại giao năng lượng”. Ấn Độ còn bổ sung vào những điểm có vấn đề những vấn đề khác, thí dụ như việc Trung Quốc tăng cường hoạt động tại Mianma, Bangladesh và Maldives.

Tuy nhiên, mặc dù một số vấn đề có nghiêm trọng, nhưng hướng đi cuối cùng trong quan hệ Trung-Ấn trong những năm gần đây vẫn là phát triển ổn định và điều đó được thể hiện một cách tích cực, khách quan trong bối cảnh cụ thể của NÂT. Không phải ngẫu nhiên tổng kim ngạch song phương sau 10 năm từ 1995 đến 2005 tăng lên gấp 16 lần thể hiện bằng con số tuyệt đối là 38,65 tỷ USD¹⁷

¹⁵ Website Đại sứ quán Trung Quốc tại Ấn Độ. <http://www.chinaembassy.org.in-eng/ssy/gd/fwzg/t399584.htm>

¹⁶ Hindustan Times. 29/03/2008.

¹⁷ Website Bộ Thương mại Cộng hoà DCNH Trung Hoa,

Sự vượt trội của những yếu tố đại trung tâm có thể được giải thích bởi chủ nghĩa thực dụng, sự tương đồng quan điểm về những vấn đề phát triển toàn cầu, sự nỗ lực của cả hai bên đảm bảo tình hình hoà bình tại phần biên giới nước mình, sự mong mỏi sử dụng nhân tố bổ sung lẫn nhau để thực hiện những chương trình phát triển mạnh mẽ về kinh tế xã hội của mỗi nước.

Còn đối với quan hệ Nga-Trung và Nga-Ấn thì cả trong hai trường hợp này đều có những điểm tương đồng, những thành tựu lẫn những vấn đề đan xen phức tạp.

Hai cặp quan hệ này có đặc điểm là sự phối hợp chính trị và cộng tác ở mức độ cao, mang tính chất chiến lược. Mỗi liên hệ giữa Matxcova với Delhi cũng như với Bắc Kinh đều dựa trên nền tảng pháp lý chuẩn mực bền vững là những hiệp định liên quốc gia vào thời gian từ 28 tháng 1 năm 1993 và ngày 16 tháng 7/2001 của hàng loạt những tuyên bố chung và tuyên bố khác. Đang vận hành các cơ chế phân nhánh của sự cộng tác đa cấp, đa ngành trên thực tế bao trùm tất cả mọi lĩnh vực hiện nay từ lĩnh vực chính sách đối ngoại toàn cầu đến các lĩnh vực chuyên của kinh tế, khoa học, kỹ thuật và văn hoá. Hai nước là các đối tác quan trọng nhất của nước Nga trong lĩnh vực cung ứng kỹ thuật quân sự.

Cấu phần có vấn đề cả trong quan hệ Nga-Ấn Độ và Nga-Trung, dựa trên các phạm trù chung là mức độ này hay khác của

sự không phù hợp (đặc biệt trong trường hợp Nga-Ấn Độ) giữa *sự phối hợp chính trị ở cấp độ cao với tiềm năng to lớn trong nền kinh tế chưa được sử dụng*. Vấn đề ở đây không phải chỉ đề cập đến việc gia tăng tổng kim ngạch hiện vẫn còn rất thấp mà còn nói đến sự cần thiết hoàn thiện về chất cơ cấu hàng hoá của nó dựa vào việc tối ưu hoá một cách cân đối (tới mức tổng hợp khoảng 30%) tỷ phần máy móc và trang thiết bị. Hiện tại tỷ phần này là rất nhỏ, bao gồm cả trong xuất khẩu của Liên bang Nga sang Trung Quốc (gần 1%), và trong cung cấp của Ấn Độ sang Trung Quốc (4,5%) cũng như sang Nga.

Nếu phân tách riêng quan hệ Nga-Ấn Độ, dễ dàng nhận thấy rằng đối với hai nước mỗi quan hệ này mang tính tổng hợp bởi lẽ trong lịch sử chưa từng căng thẳng bao giờ bởi các cuộc xung đột hay chống đối lẫn nhau, vì thế về bản chất là không có những động lực tiêu cực, quan hệ hai nước có sự tin tưởng chính trị lẫn nhau ở mức độ cao.

Những giai đoạn quan trọng trong phát triển quan hệ song phương trong thế kỷ mới là đã thiết lập được cơ chế đối thoại thường kỳ ở cấp độ cao (các cuộc viếng thăm chính thức Ấn Độ của Tổng thống Nga vào những năm 2000, 2002, 2004 và tháng 1/2007, các cuộc hội đàm của những người đứng đầu chính phủ Ấn Độ tại Matxcova vào các năm 2003, 2005, tháng 12/2007). Ngoài những hiệp định cơ bản, cơ sở bình thường của sự cộng tác còn bao gồm gần 200 văn kiện khác trong đó có Tuyên bố về Đối tác chiến lược (năm 2000), Chương trình cộng tác Khoa học - Kỹ thuật tổng hợp dài hạn (năm 2000),

Bản ghi nhớ về Hợp tác kinh tế đến năm 2010 (năm 2006). Trong khuôn khổ Hội đồng liên chính phủ Nga - Ấn Độ về hợp tác kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật và văn hoá đã đặt ra và thực hiện nhiều nhiệm vụ phối hợp trong các lĩnh vực rất khác nhau - từ vũ trụ đến bảo vệ sức khoẻ. Nhóm nghiên cứu chung đang hoạt động nhằm mục đích soạn thảo hiệp định mang tính tổng hợp về hợp tác kinh tế toàn diện. Năm 2008 được tuyên bố là “Năm nước Nga ở Ấn Độ” và sau đó là “Năm Ấn Độ tại Nga”.

Đồng thời, “điểm đau” cơ bản trong mối quan hệ song phương hiện nay cũng lộ diện. Đó là kim ngạch Nga-Ấn Độ, mà trong chuyến viếng thăm Delhi mùa Đông năm 2007, Tổng thống Nga đã gọi tổng kim ngạch này là “hoàn toàn chưa đủ”. Hai bên cho rằng cách giải quyết những vấn đề này là các cuộc tiếp xúc trực tiếp giữa các cộng đồng doanh nghiệp cũng như huy động khả năng trao đổi đầu tư, kể cả việc sử dụng số nợ bằng rúp của Ấn Độ đối với Nga dưới dạng mở rộng đầu tư của Nga vào nền kinh tế Ấn Độ, trước hết dựa vào công nghệ cao. Phát triển sự hợp tác trong lĩnh vực năng lượng, bao gồm cả lĩnh vực nguyên tử sử dụng vì mục đích hoà bình là một hướng đầy triển vọng¹⁸. Không phải ngẫu nhiên mà tháng 1/2007, Thủ tướng Ấn Độ M. Singh lưu ý rằng “năng lượng có thể cải thiện chính

môi trường quan hệ kinh tế Ấn Độ và Nga¹⁹. Tất cả những biện pháp này giúp tăng kim ngạch lên 10 tỷ USD vào năm 2010 và tăng gấp ba bốn lần, còn đến năm 2015 sẽ tăng kim ngạch lên gấp hai lần. Hiện tại những năm gần đây qua tính toán của thống kê hải quan Nga, năm 2007 theo một số tăng trưởng thì kim ngạch này đã đạt 5,3 tỷ USD, thậm chí còn chưa đạt “trần” thời Liên Xô cũ.

Nguyên nhân của những “nút thắt” này không chỉ là những trở ngại khách quan và quan liêu có cả từ hai phía. Như đã biết, ở Nga không phải lúc nào cũng đánh giá đúng khả năng xuất khẩu của một loạt mặt hàng mang tính cạnh tranh của ngành chế tạo máy Ấn Độ, về phần mình, cũng giống như trong trường hợp với Trung Quốc, nhiều khi Ấn Độ bày ra trò điều tra chống bán phá giá. Nhưng có cơ sở để cho rằng có một số hoàn cảnh khách quan cho những khó khăn tương tự trong quan hệ Nga-Trung.

Vấn đề ở đây là khả năng cạnh tranh thấp của hàng hoá Nga do giá phụ quá cao và điều đó là hệ lụy trực tiếp của suy thoái kinh tế Nga vào những năm 1990, trong khi đó đối với Ấn Độ đang phát triển thì ngoài nguồn năng lượng còn cần các sản phẩm công nghệ cao và những công nghệ mới chuẩn quốc tế. Tình hình phức tạp ở Nga không làm cho quan hệ hai nước phát triển được. Logic cải cách trong nước làm hạn chế

¹⁸http://www.kremlin.ru/docs/appears.shtml?day=&month=01&year=2007&value_from=&value_to=&date=&stype=63379&dayRequired=no&day_enable=true&Submit.x=2&Submit.y=6

¹⁹ M. Singh: *Năng lượng có thể thay đổi chính bản chất của các mối quan hệ kinh tế Ấn Độ và Nga*, interfax, ngày 25/01/2007 http://www.interfax.ru/r/B/0/0.html?id_issue=116652

đáng kể khả năng của nhà nước ảnh hưởng tới cộng đồng đoàn thể, về tính chất và sự bổ sung cho các mối quan hệ kinh tế đối ngoại. Trong khi đó ở Ấn Độ (ở Trung Quốc) cấu phần kế hoạch hoá nhà nước cao vẫn được bảo lưu. Kết quả là nhiều khi mô hình quản lý sự phối hợp không phù hợp với nhau như mong muốn.

Vì vậy, nhiệm vụ hiện tại đối với nước Nga là chiến lược sử dụng các ưu thế tự nhiên để đưa sang thị trường Ấn Độ những công nghệ tiên tiến hiện có ở Nga, đa dạng hoá cung ứng kỹ thuật quân sự, phối hợp trong lĩnh vực năng lượng bao gồm cả những thoả thuận đôi bên cùng có lợi về cung cấp nguyên liệu cacbon và tăng cường quan hệ sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình.

Trên nền quan hệ Matxcova với Đêli, tính chất cơ cấu của các mối quan hệ Nga-Trung cũng được xác định bởi một loạt những tiêu chí tương tự như cơ cấu phối hợp mang tính hệ thống to lớn, các cuộc trao đổi thường xuyên về nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống kinh tế, chính trị ở tất cả các cấp độ, kể cả cấp lãnh đạo. Hội đồng “lớn” chung về cộng tác song phương phối hợp công việc của hàng chục tiểu ban ngành và các nhóm công tác trong các lĩnh vực rất khác nhau. Năm 2005, hai bên thông qua Tuyên bố quan trọng về Thế giới đa cực, thể hiện tầm nhìn chung về những vấn đề quốc tế cơ bản bổ sung vào bản Hiệp định cơ sở liên quốc gia. Năm sau đó lãnh đạo hai nước ký kết tại Bắc Kinh văn kiện về việc phát

triển quan hệ song phương trên nguyên tắc đối tác: hai bên tuyên bố tiến tới “cùng phát triển”. Việc giải quyết xong vấn đề biên giới có ý nghĩa quan trọng nhất. Việc này được thể hiện trong việc ký kết Nghị định thư bổ sung vào năm 2004. Năm 2006 và 2007 tại hai nước đã tiến hành nhiều hoạt động quy mô lớn: Năm nước Nga tại Trung Quốc và Năm Trung Quốc tại Liên bang Nga. Trong thời gian tiến hành hai năm quốc gia này đã tổ chức gần 500 sự kiện.

Tổ hợp quan hệ kinh tế - thương mại Nga-Trung phát triển rất mạnh mẽ. So với năm 1997, kim ngạch giữa Trung Quốc và Nga năm 2007 tăng gần 7 lần, đạt 48,2 tỷ USD²⁰.

Nga và Trung Quốc một cách khách quan đã cùng quan tâm phát triển mối quan hệ hữu nghị ổn định, bền vững và lâu dài. Các lĩnh vực cùng quan tâm là khả năng hai bên cùng ủng hộ giữ quyền độc lập về chính sách đối ngoại, chủ quyền và chọn con đường phát triển, cùng chống lại chủ nghĩa khủng bố và chia rẽ dân tộc. Nền kinh tế hai nước bổ sung lẫn nhau một cách khách quan và hai nước là đối tác thương mại quan trọng của nhau.

Đồng thời không thể không tính tới việc trong quan hệ song phương Nga-Trung vẫn có những vấn đề thực tiễn và tiềm năng đòi hỏi phải luôn chú ý. Ngoài những vấn đề đề

²⁰

<http://english.mofcom.gov.cn/article/statistic/ie/200802/20080205371690.html>

cập ở trên như kim ngạch thương mại thấp và cơ cấu thương mại chưa hoàn thiện, vấn đề còn ở chỗ có hàng loạt những vấn đề đặc biệt. Trước hết cần củng cố nền tảng xã hội của mối quan hệ Nga-Trung. Sự đổi đầu một phần tư thế kỷ nửa sau thế kỷ qua đã trải qua không phải không để lại những hậu quả gì mà còn để lại những mầm mống cho những nghi kỵ lẫn nhau. Tại cả hai nước, người ta soi mói nhau trong đối thoại với Mỹ. Do những thành tựu lớn đạt được tại Trung Quốc và ngược lại là sự suy thoái tại Nga vào những năm 90, tại Trung Quốc nhiều người chưa từ bỏ quan điểm lỗi thời coi nước Nga là cường quốc loại hai chỉ đóng vai trò là nước cung cấp nguyên liệu. Cũng với bối cảnh này ở Nga lưu truyền quan điểm về “nguy cơ từ Trung Quốc”, chủ yếu liên quan đến vấn đề di dân Trung Quốc.

Vì thế vấn đề cấp bách hiện nay là phải đẩy mạnh sự tin tưởng chính trị lẫn nhau. Những gì liên quan đến những vấn đề mang tính kinh tế thì nhìn chung nguyên nhân vẫn là sự đơn điệu giống như trong quan hệ Nga- Ấn Độ: cần phải nâng cao khả năng cạnh tranh và cấu phần đổi mới của các sản phẩm của Nga, cùng nhau thích ứng cơ chế quản lý, khắc phục tiêu tiết quan liêu, hiện thực hoá chiến lược và chiến thuật sử dụng những ưu thế của Nga nhằm tăng cường mạnh mẽ sự cộng tác trong lĩnh vực dầu khí và năng lượng nói chung. Vấn đề di dân của Trung Quốc đòi hỏi phải tách riêng những

vấn đề tồn tại hiện nay khỏi những suy tưởng hoang mang. Nước Nga khách quan quan tâm tới việc tiếp nhận sức lao động nước ngoài có chuyên môn và tuân thủ luật pháp. Vì vậy phải cân đối lại hệ thống các biện pháp để sự thu hút này phù hợp với các quá trình chuyển cư.

Để đánh giá tổng kết có thể nói rằng cả ba hướng quan hệ chiến lược song phương trong cơ cấu NATO nhìn chung khác nhau về sự bổ sung một cách năng động, tích cực phát triển theo nhiều lĩnh vực khác nhau. Mặc dù có những đặc điểm khác nhau, những vấn đề có vấn đề trong quan hệ Nga- Ấn Độ và Nga-Trung đều không mang tính cơ bản và với việc các nước có thiện chí chính trị phù hợp chúng không phải là những hạn chế đáng kể, hơn nữa chúng không thổi phồng những tương đồng khách quan, những quyền lợi dân tộc cơ bản của các bên. Những vấn đề tranh cãi trong quan hệ Trung-Ấn có nguyên nhân sâu xa và triển vọng giải quyết có nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, trong những vấn đề này vẫn hiện rõ những khuynh hướng tích cực, được củng cố bằng nỗ lực chung của ban lãnh đạo cả đôi bên không để sự phát triển phụ thuộc vào những vấn đề còn tồn tại. Tất cả điều đó đảm bảo các mối quan hệ song phương trong cơ cấu NATO là những cơ sở và tiền đề tốt để phát triển sự cộng tác ba bên.

Theo quan điểm quyền lợi riêng của Nga, quan hệ song phương đáp ứng được cả hai mặt vừa là quan hệ song song trong phát

triển tích cực cả ba kênh của các mối quan hệ này lẫn trong việc củng cố các mối quan hệ song phương trực tiếp với Đêli và Bắc Kinh. Trong điều kiện khi Ấn Độ và Trung Quốc xây dựng đường lối đảm bảo những ưu tiên riêng một cách thực dụng và điều đó tạo ra khả năng có những thì mỗi quan tâm củng cố hướng Đông của nền chính trị Nga phải đẩy mạnh nhiệm vụ không chỉ nhằm bảo lưu mà còn nâng cao tính tích cực trong các hướng Ấn Độ và Trung Quốc. Không loại trừ những thoả hiệp có thể và sử dụng những ưu thế, cần phải thận trọng tiến hành đường lối “ủng hộ mang tính quy định” các mối quan tâm của Ấn Độ và Trung Quốc, giống như trước đây là không thiếu ở Đêli và Bắc Kinh, trước hết là trong lĩnh vực năng lượng.

Khả năng của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải

Nếu không nhắc đến một cách cô đọng những khả năng của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SOC) thì bức tranh khuynh hướng mô tả các quá trình cơ cấu đối tác ba bên sẽ không thể nào toàn diện được.

Trong tương lai SOC sẽ là diễn đàn đối thoại tự nhiên của sự cộng tác ba bên NAT bởi những đặc điểm của mình: định hướng khu vực, thành phần các nước thành viên cũng như sự quan tâm ngày càng nhiều của Ấn Độ tới những mục tiêu và lĩnh vực hoạt động ngày càng có uy tín lớn tại các tổ chức quốc tế của Tổ chức.

Với những điều kiện trên, việc Ấn Độ sẽ tham gia vào SOC ngày càng rõ nét hơn, hiện tại nước này đang là nước quan sát viên trong Tổ chức. Lần đầu tiên, vào tháng 10 năm 2005, tại cuộc họp của Hội đồng các nhà lãnh đạo các chính phủ SOC tại Matxcova, Ấn Độ đã tham dự với tư cách là nước quan sát viên, điều đó có nghĩa là trong tương lai đại diện của ba nước sẽ có nhiều cuộc tiếp xúc có hiệu quả hơn. Hiện tại, Ấn Độ chưa đệ đơn chính thức xin gia nhập Tổ chức vì nhận thấy SOC đang hạn chế tiếp nhận những nước đầy đủ tư cách thành viên mới trên nguyên tắc đồng thuận thông qua những nghị quyết chung. Tuy nhiên, ngay từ bây giờ Ấn Độ tuyên bố đã sẵn sàng trở thành “thành viên liên hệ” của Tổ chức, như lời Thủ tướng M. Singh, Ấn Độ quan tâm đặc biệt đến các hoạt động của SOC “nhằm phát triển cộng tác trong lĩnh vực năng lượng, kinh tế, giáo dục và văn hoá cũng như các hoạt động chống chủ nghĩa khủng bố và buôn lậu ma túy”²¹.

Kết luận

Như vậy mười năm sau khi “sáng kiến E.Primakov” nổi tiếng được đề ra là thời gian của nhận thức tích cực về mặt lý luận những tiền đề, mục tiêu, khuynh hướng và khả năng phối hợp ba bên dần dần, nhưng nhất định biến quá trình này thành bình diện hình thành cơ chế đối thoại ba bên thực tế.

²¹

http://www.interfax.ru/r/B/0/0.html?id_issue=11665298

Trong số những khuynh hướng phát triển nổi bật của cơ cấu “Nga- Ấn Độ-Trung Quốc” có thể kể đến:

- Cùng cố vòng tròn quan điểm cơ bản của cơ cấu (các nguyên tắc mang tính thể chế và tổ chức, mục tiêu, các lĩnh vực và khuynh hướng cụ thể) trong hàng loạt văn bản tài liệu song phương và ba bên;

- Sự hình thành dần dần các cơ chế cộng tác (Hội nghị thượng đỉnh ba bên, cơ chế gặp gỡ đa cấp liên Bộ Ngoại giao, các cơ chế tư vấn theo các kênh của một loạt bộ chuyên ngành);

- Sự ảnh hưởng lẫn nhau của cơ cấu NÂT và nhân tố Mỹ là một hiện thực khách quan; đối thoại xây dựng không đối đầu giữa ba nước với Mỹ, kể cả trong trường hợp nhất thiết phải thuyết phục đối tác hành động trong khuôn khổ luật pháp quốc tế - cách tiếp cận này không phù hợp với chính sách đơn phương, nhìn chung có thể coi là đã được định hình trong cơ cấu NÂT; việc Mỹ không hài lòng với sự phát triển của cơ cấu này tuy không nói thành lời nhưng là sự thật khách quan và hiện tại chỉ mang tính tiềm năng nhưng rất có thể sẽ là sự thật trong trường hợp những vấn đề quốc tế và khu vực trở nên căng thẳng theo đó sẽ có mâu thuẫn về quyền lợi giữa một bên là Mỹ và bên kia là Nga, Ấn Độ và Trung Quốc;

- Nhìn chung, sự phát triển các mối quan hệ song phương trong phạm vi NÂT là cơ chế bản chất của cơ cấu này, những điểm có vấn đề ở đây chỉ là những vấn đề tồn tại chưa giải quyết được trong quan hệ Trung-

Ân cũng như những “điểm yếu” trong quan hệ kinh tế - thương mại (kim ngạch thấp và cơ cấu chưa hoàn chỉnh). Đồng thời giống như trước đây, các hoạt động chung song phương đang tạo dựng nên nền tảng vững chắc cùng cố cơ cấu ba bên;

- Việc mở rộng, cá về mặt tiềm năng, những khả năng cộng tác dựa vào SOC, nơi Ấn Độ mới chỉ mang quy chế nước quan sát viên nhưng không loại trừ quy chế này sẽ được nâng cấp cao hơn;

Những khuynh hướng và những bối cảnh kể trên cho phép nói tới việc bảo đảm những triển vọng tích cực của sự phối hợp ba bên. Minh chứng cho điều này là cuộc gặp mặt thường kỳ của các nhà lãnh đạo các Bộ Ngoại giao ngày 9/5/2008, tại thành phố Ekaterburg của Nga. Rõ ràng những thành quả đạt được trên con đường này không tự dừng mà đến, hơn nữa vẫn còn nhiều những vấn đề chưa được giải quyết, trong đó bao gồm sự va đập với “sự hoán đổi” những đề nghị chung thành những dự án cụ thể, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế.

Sẽ có thể nâng cao hiệu suất của sự cộng tác ba bên trong trường hợp cả ba nước dụng chạm dừng cảm hơn tới những lĩnh vực phối hợp phức tạp, nhạy cảm, tích lũy tích cực hơn nữa những động lực các bên đều chấp thuận được. Vì thế, tại sao phải cần đến nỗ lực toàn diện của các cơ cấu nhà nước, của các cộng đồng xã hội và chuyên gia của cả ba nước để hiện thực hoá đầy đủ những khả năng hợp tác cùng có lợi Nga-Ấn Độ-Trung Quốc.

Đỗ Minh Cao (dịch)